

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh
(nay là phường Bình Quới)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 66.1/2025/NQ-CP ngày 18/7/2025 của Chính phủ về Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc lập mới, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch phân khu đối với khu vực hình thành đô thị khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3185/BC-SXD-QHKVTT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới);

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Bình Quới tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc trình phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới), với các nội dung sau:

1. Phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch:

– Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch thuộc phường Bình Quới, Thành phố Hồ Chí Minh có giới hạn như sau:

- + Phía Đông, Tây Bắc và Bắc: giáp sông Sài Gòn.
- + Phía Tây: giáp Phường 27 cũ (nay thuộc một phần phường Bình Quới).
- + Phía Nam và Tây Nam: giáp sông Sài Gòn.

– Quy mô diện tích: khoảng 549,4 ha, bao gồm ranh khu vực lập điều chỉnh quy hoạch khoảng 423,61 ha (*tính theo ranh mép bờ cao sông Sài Gòn, không tính phần diện tích mặt nước sông Sài Gòn*) và khoảng 125,79 ha diện tích mặt nước sông Sài Gòn.

2. Tính chất:

Là khu vực trung tâm đô thị và công viên ngập nước. Phát triển khu đô thị du lịch hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đan xen các công viên,

vùng ngập nước với cảnh quan hấp dẫn. Định hướng phát triển khu trung tâm đô thị cao tầng, giảm mật độ xây dựng và sử dụng đất hỗn hợp, tạo lập các vùng cảnh quan (cảnh quan sinh thái tự nhiên), các vùng chức năng hỗ trợ khác bao gồm nhà ở, hành chính, văn phòng, khách sạn, thương mại dịch vụ, văn hóa và du lịch ven sông.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000:
Ủy ban nhân dân phường Bình Quới (Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Thạnh).

4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000:
Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các chỉ tiêu quy hoạch:

Quy mô dân số: Khoảng 54.000 người.

5.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
			Nhiệm vụ phê duyệt	Quy hoạch
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m²/người	45-100	78,45
	Mật độ xây dựng toàn khu quy hoạch	%		26,90
	Hệ số sử dụng đất toàn khu quy hoạch	lần		2,50
	Tầng cao tối đa	tầng		70
B	Chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở	m²/người	25-40	30,47
	- Nhóm nhà ở; hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	m ² /người		17,76
	- Công trình công cộng cấp đơn vị ở:			
	+ Y tế (trạm y tế)	ha		0,21
	+ Văn hóa - thể dục thể thao	ha		1,90
	+ Giáo dục		≥ 1,8	1,87
	Trường mẫu giáo	m ² /người		0,62
	Trường tiểu học	m ² /người		0,69
	Trường trung học cơ sở	m ² /người		0,56
	+ Dịch vụ (thương mại, chợ)	m ² /người		0,11
	- Cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở (vườn hoa, sân chơi, sân bãi thể dục thể thao,...):	m ² /người	≥ 2,0	3,70
C	Chỉ tiêu sử dụng đất ngoài đơn vị ở			
	- Công trình công cộng cấp đô thị:			
	+ Giáo dục (Trường THPT)	m ² /người		0,40
	+ Bệnh viện	m ² /người		0,40
	+ Văn hóa - Thể dục Thể thao	m ² /người		0,57
	+ Dịch vụ (chợ)	ha		1,00
	- Cây xanh sử dụng cấp đô thị	m ² /người		26,08
D	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
			Nhiệm vụ phê duyệt	Quy hoạch
	- Giao thông			
	+ Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) so với đất xây dựng đô thị (không bao gồm cây xanh đô thị) tính tối thiểu đến đường phân khu vực	%	≥ 18,0	19,5
	+ Mật độ đường (đến đường cấp phân khu vực trong đơn vị ở)	km/km²		10,5
	- Tiêu chuẩn cấp nước			
	+ Cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày	180	180
	+ Cấp nước công trình công cộng, dịch vụ	% cấp nước sinh hoạt	10	15
	- Tiêu chuẩn thoát nước	% cấp nước	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp điện			
	+ Cấp điện sinh hoạt	kWh/người/năm	1.400 - 2.400	1.400 - 2.400
		W/người	800	800
	+ Cấp điện công trình công cộng, dịch vụ	% cấp điện sinh hoạt	50	50
	- Chỉ tiêu chất thải rắn	kg/người/ngày	1,3	1,3

Trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết có thể cân đối các chỉ tiêu đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện và tình hình triển khai thực tế.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch được chia thành 03 đơn vị ở và các chức năng cấp đô thị (đan xen trong 03 đơn vị ở), sơ bộ được xác định như sau:

– Đơn vị ở 1:

+ Nằm phía Tây Bắc của khu quy hoạch, dọc theo đường Bình Quới hiện hữu, dự kiến hình thành khu vực dân cư hiện hữu kết hợp tái định cư và nhà ở xã hội.

+ Quy mô dân số: khoảng 18.000 người.

+ Diện tích: khoảng 116,70 ha.

– Đơn vị ở 2:

+ Nằm phía Nam của khu quy hoạch, đối diện phường An Khánh qua sông Sài Gòn đặc trưng là khu cộng đồng dân cư chất lượng sống cao với đa dạng các tiện ích phục vụ lối sống lành mạnh, hạnh phúc.

+ Quy mô dân số: khoảng 20.000 người.

+ Diện tích: khoảng 155,22 ha.

– Đơn vị ở 3:

+ Nằm phía Đông Bắc của khu quy hoạch, đối diện khu Trường Thọ qua sông Sài Gòn đặc trưng bởi các khu vực cảnh quan ngập nước chủ động, bến du thuyền.

+ Quy mô dân số: khoảng 16.000 người.

+ Diện tích: khoảng 151,68 ha.

5.2.1. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu:

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch	423,61	100,00
I	Đất đơn vị ở	164,52	38,84
1	Nhóm nhà ở	95,88	22,63
1.1	Nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	14,53	
1.2	Nhóm nhà ở xây dựng mới	81,36	
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	2,56	0,60
3	Trạm y tế	0,21	0,05
4	Văn hóa	1,90	0,45
5	Trường THCS, tiểu học, mầm non	10,08	2,38
5.1	+ THCS	3,01	
5.2	+ Tiểu học	3,73	
5.3	+ Mầm non	2,68	
6	Cây xanh sử dụng công cộng (đơn vị ở)	20,00	4,72
7	Khu dịch vụ (Chợ đơn vị ở)	0,60	0,14
8	Đường giao thông đơn vị ở	31,65	7,47
9	Đất bãi đỗ xe	1,64	0,39
II	Đất ngoài đơn vị ở	259,09	61,16
1	Bệnh viện	2,17	0,51
2	Văn hóa	3,05	0,72
3	Trường THPT	2,16	0,51
4	Cây xanh sử dụng công cộng (đô thị)	87,10	20,56
5	Cây xanh sử dụng hạn chế (Công viên chuyên đề)	53,73	12,68
6	Mặt nước cảnh quan	39,18	9,25
6.1	Mặt nước cảnh quan	26,97	
6.2	Mặt nước bến du thuyền	12,21	
7	Cơ quan, trụ sở	3,04	0,72
8	Khu dịch vụ	26,31	6,21
8.1	Khu dịch vụ (đô thị)	25,31	
8.2	Khu dịch vụ (Chợ đô thị)	1,00	
9	Di tích, tôn giáo	6,13	1,45

Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
10	Quốc phòng	0,39	0,09
11	Đường giao thông ngoài đơn vị ở	34,12	8,05
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1,72	0,41
B	Phạm vi mặt nước sông Sài Gòn	125,79	
	Tổng	549,40	

6. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

– Tuân thủ các định hướng chính của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025.

– Kế thừa các điểm nổi bật của các phương án thi tuyển, không gian đô thị mang cấu trúc tổng thể như sau:

+ Khu vực đô thị dự kiến được tổ chức theo hệ thống giao thông tầng bậc (Các tuyến đường trục chính đô thị được kết nối thông qua đường chính khu vực; đường khu vực sẽ kết nối với đường chính khu vực) từ đó hình thành cấu trúc không gian chung cho đô thị.

+ Tại khu vực trung tâm đô thị là khu vực công viên chuyên đề kết hợp với công trình điểm nhấn chính của khu vực. Hình thành tổ hợp không gian vui chơi, giải trí, mặt nước kết hợp với vị trí gắn liền mặt nước trung tâm của đô thị, công viên trung tâm xây dựng hướng tới tính chất năng động hình thành khu vực tập trung vui chơi giải trí gắn kết với mặt nước, kết hợp tổ chức các sự kiện quy mô lớn, hình thành biểu tượng cho toàn khu.

+ Các điểm nhấn phụ như: Khu vực bến du thuyền, các công trình dịch vụ - du lịch – thể thao tại vành đai sinh thái của đô thị dọc theo bờ sông Sài Gòn sẽ được định hướng phát triển hài hòa với khu vực xung quanh, hình thành nên các cụm công trình điểm nhấn phụ gắn liền với không gian xung quanh, hình thái và hình khối công trình hướng đến mục tiêu nâng cao giá trị tại điểm nhấn chính thông qua các vùng nhìn khác nhau từ mọi nơi cho khu vực Bình Quới – Thanh Đa.

+ Các chức năng về hạ tầng xã hội như: trường học, y tế, chợ, sân chơi, được phân bố trên toàn đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân sinh sống tại khu vực.

+ Liên kết hệ thống cây xanh đô thị - cây xanh đơn vị ở - không gian mở công trình cùng với hệ thống giao thông công cộng, để hình thành mảng xanh liên hoàn kết nối toàn bộ không gian đô thị.

– Hệ thống giao thông tích hợp với các định hướng cấp đô thị như: Tramway (đi theo đường Khu vực) kết nối toàn đô thị, tuyến Metro số 7 kết nối ngoài đô thị và các điểm bus thủy dọc sông Sài Gòn tạo thành hệ thống giao thông thủy – bộ liên hoàn giúp giải quyết vấn đề kết nối bấy lâu nay của Bình Quới – Thanh Đa.

– Phát triển các loại hình nhà ở đa dạng, phù hợp với cảnh quan chung của khu vực, nhà ở xã hội đảm bảo bố trí phù hợp theo quy định hiện hành. Tùy thuộc vào tính

chất và vị trí của công trình, các chỉ tiêu về mật độ xây dựng toàn khu không quá 30%, hệ số sử dụng đất toàn khu không quá 3 lần.

– Các công trình có giá trị về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng được xem xét bảo tồn.

– Hạ tầng kỹ thuật kết nối đồng bộ, thống nhất giữa các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài khu vực quy hoạch.

7. Thiết kế đô thị

– Đảm bảo các nguyên tắc chung không làm tổn hại các điều kiện tự nhiên, giữ cân bằng sinh thái; nhấn mạnh hình ảnh chủ đạo của khu lập quy hoạch bằng hệ thống công viên và không gian mở công cộng ven sông rạch; Tạo các không gian cây xanh công trình gắn kết với các khối công trình, với không gian mở ven mặt nước, nhấn mạnh cây xanh trên các trục đường tiếp cận chính, tạo nên một hệ thống giao thông nội khu gắn kết.

– Xác định chỉ tiêu không chế về khoảng lùi đối với tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và tháp cao phía trên, thì các quy định về khoảng lùi công trình được áp dụng riêng đối với phần đế công trình và đối với phần tháp cao phía trên theo chiều cao tương ứng của mỗi phần; đảm bảo hành lang tối thiểu 30m từ bờ sông Sài Gòn nhằm chống xói mòn, đảm bảo không gian cảnh quan mặt nước sinh động, giữ gìn môi trường sinh thái và công viên dọc sông; tùy thuộc vào từng loại chức năng công trình, khoảng lùi được quản lý theo quy định hiện hành.

– Giải pháp tổ chức cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính, khu trung tâm:

+ Tại các trục đường chính đô thị (tuyến đường Bình Quới) theo định hướng được quy hoạch với lộ giới đường 54m, quy định các loại cây và khoảng cách trồng cây ven đường, tạo thành các tuyến cây xanh kết hợp với không gian đi bộ. Đề xuất chỉnh trang mặt tiền các công trình hiện hữu nâng cao tính mỹ quan đô thị cho khu vực lập điều chỉnh quy hoạch. Các công trình hỗn hợp định hướng có hình thái kiến trúc phải phù hợp với cảnh quan chung của khu vực. Phương án tổ chức các khu công viên cây xanh dọc theo hệ thống sông rạch. Đây là tuyến không gian mở, kết nối chính xuyên suốt các chức năng trong khu vực.

+ Đối với Khu trung tâm đô thị là cụm công trình dịch vụ thương mại, dự kiến tạo thành một trong các điểm nhấn không những cho khu đô thị mà còn cho cả Thành phố Hồ Chí Minh.

– Giải pháp tổ chức các không gian mở xen kẽ trong các nhóm nhà ở đảm bảo khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân sinh sống trong khu vực. Mạng lưới không gian xanh liên tục rộng hơn 200 ha, bao gồm Công viên Giải trí đô thị ở trung tâm, đóng vai trò là một điểm đến chính của thành phố và quốc tế. Phạm vi không gian mở là sự kết hợp của vùng đất ngập nước và công viên tự nhiên, kết hợp các cảnh quan có thể cho ngập nước tự nhiên cũng như làm chậm tốc độ dòng nước. Các không gian đô thị bao gồm cảng du thuyền và đường đi bộ dọc kênh của khu thương mại trung tâm.

– Về công trình điểm nhấn: Khu vực đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa có một phần nhỏ diện tích tại phía Tây tiếp giáp với Phường 27 cũ, khu vực dân cư hiện trạng thấp tầng, nằm trong phạm vi hạn chế chiều cao tối đa không (95m) theo quy định của vùng phễu bay hàng không, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động bay và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý tỉnh không xây dựng theo Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Còn lại toàn bộ phần diện tích của Khu đô thị mới không bị ảnh hưởng bởi quy định này.

– Công trình điểm nhấn: nằm vị trí trung tâm của khu quy hoạch thuộc đơn vị ở số 3, tiếp giáp cảnh quan mở, công trình điểm nhấn chính với chiều cao dự kiến 70 tầng, bên cạnh đó ở các đơn vị ở khác cũng bố trí thêm công trình điểm nhấn phụ mang giá trị văn hoá, kiến trúc, giá trị cảnh quan đặc trưng.

– Đối với các khu vực tổ chức công trình điểm nhấn, công trình xây dựng cần có khoảng lùi nhất định, tạo tầm nhìn đến công trình. Hình thức công trình điểm nhấn có thể là công trình có quy mô tương đối lớn, tượng trưng cho hình ảnh đô thị hiện đại, thịnh vượng, cũng có thể là công trình văn hóa, có giá trị tinh thần đặc trưng của khu vực hoặc là các không gian mở công cộng dạng vườn hoa, quảng trường.

– Mật độ xây dựng thuần tối đa của từng lô đất xây dựng tuân thủ quy định QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và được xác định theo mục đích sử dụng đất. Các công trình hiện trạng được phép tồn tại theo giấy phép xây dựng, phương án thỏa thuận kiến trúc và các quy định hiện hành.

– Các ô đất khác như quốc phòng, các vị trí đầu mối hạ tầng kỹ thuật tiếp tục quản lý theo thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định pháp luật. Đối với các ô đất sông, suối, kênh, rạch và cây xanh chuyên dụng, cây xanh sử dụng hạn chế không quy định mật độ xây dựng (không xây dựng công trình).

8. Quy hoạch không gian ngầm

8.1. Không gian ngầm giao thông và hạ tầng kỹ thuật

– Phần không gian ngầm dự kiến tuyến Metro số 7 gồm chức năng giao thông, kỹ thuật, Dịch vụ, đậu xe được căn cứ theo Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố. Sau khi phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD được phê duyệt, kế hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố.

– Phần giao thông ngầm được thiết kế phù hợp với quy định hiện hành, vị trí lối lên xuống hầm đường được cơ bản xác định với độ dốc xuống hầm tối đa 6%, tầm nhìn dừng là 75m. Dốc trong hầm tối đa 4% và đảm bảo các yếu tố về nhu cầu kỹ thuật.

8.2. Không gian ngầm tại các công trình thương mại dịch vụ có chức năng công cộng

Trong các khu vực được xác định, cho phép xây dựng công trình ngầm từ 01 đến 05 tầng, bố trí tại công trình thương mại dịch vụ, các khu vực hỗn hợp. Đối với các khu vực xây dựng 5 tầng hầm có thể sử dụng 02 hầm để làm bãi giữ xe, 03 hầm làm thương mại dịch vụ, công trình công cộng nhằm tăng khả năng sử dụng đất. Mật độ xây dựng hầm cho phép tối đa 100% và sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết.

8.3. Không gian ngầm tại công viên đô thị

Nhằm khai thác các chức năng công cộng phục vụ cộng đồng và đảm bảo nhu cầu phục vụ bãi đậu xe khi có các hoạt động văn hóa, sự kiện sẽ bố trí bãi đỗ xe ngầm tại một số khu vực công viên cấp đô thị sử dụng công cộng theo hướng kêu gọi xã hội hóa, đầu tư tư nhân, số lượng bãi đỗ xe dự kiến có thể đáp ứng thêm khoảng 5.000 chỗ.

8.4. Phần ngầm trong công trình nhóm nhà ở

Khuyến khích các chung cư khi lập dự án bố trí từ 02 – 03 tầng hầm để đảm bảo nhu cầu đỗ xe cho người dân. Đối với các khu vực nhà ở hiện hữu, khuyến khích khi cải tạo hoặc xây mới có thể bố trí 01 hầm hoặc bán hầm.

Các không gian ngầm tại các khu vực nhà ở liền kề, biệt thự, chung cư cao tầng, hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ,... sẽ được xác định cụ thể tại giai đoạn Quy hoạch chi tiết, đảm bảo nhu cầu đậu xe cho bản thân công trình, có thể cân đối giữa các khu vực công cộng nhưng vẫn đảm bảo đúng chỉ tiêu theo QCVN.

Phần giao thông ngầm được thiết kế phù hợp với quy định hiện hành, vị trí lối lên xuống hầm đường được cơ bản xác định với độ dốc xuống hầm tối đa 6%, tầm nhìn dừng là 75m. Dốc trong hầm tối đa 4% và đảm bảo các yếu tố về nhu cầu kỹ thuật.

9. Về nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội

9.1. Nhà ở tái định cư:

– Nhà ở tái định cư bố trí tại Đơn vị ở số 1, được xây dựng phần lớn tập trung gần khu vực trục đường Bình Quới hiện hữu.

– Về quy mô và loại hình sẽ được bố trí phù hợp với Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

– Chi tiết về quy mô diện tích, loại hình tái định cư cho dân cư sinh sống trong khu vực sẽ được thỏa thuận và triển khai thực hiện trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng sẽ được nghiên cứu, xác định tại bước quy hoạch chi tiết, đề xuất dự án đầu tư.

– Bố trí tái định cư với nhiều hình thức ở kết hợp hài hòa đồng bộ với phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật tại các khu vực có quỹ đất đầu tư dự án.

9.2. Nhà ở xã hội:

– Vị trí, quy mô: dự kiến dành khoảng 20% tổng diện tích đất ở (trừ đất ở hiện hữu, đất tái định cư) trong phạm vi dự án, đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội tại Đơn vị ở số 1 (trường hợp nếu Đơn vị ở 1 không đủ diện tích bố trí thì sẽ nghiên cứu, đề xuất tại Đơn vị ở số 2).

– Phương án cụ thể sẽ được nghiên cứu, xác định tại bước quy hoạch chi tiết, đề xuất dự án đầu tư và thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

– Hình thức, loại hình nhà ở xã hội dự kiến:

+ Tiêu chuẩn diện tích sử dụng mỗi căn hộ tối thiểu là 25 m², tối đa là 70 m²;

+ Được điều chỉnh tăng tiêu chuẩn diện tích sử dụng căn hộ tối đa, nhưng mức tăng không quá 10% so với diện tích sử dụng căn hộ tối đa là 70 m² và bảo đảm tỷ lệ số căn hộ trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có diện tích sử dụng trên 70 m² không quá 10% tổng số căn hộ nhà ở xã hội trong dự án.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. Quy hoạch cao độ nền:

– Cao độ xây dựng toàn khu vực Hxd > 2,70m (hệ Vn2000), tính đến phần thấp nhất ở mép đường. Đối với khu vực hiện hữu cải tạo nâng dần đến cao độ lựa chọn.

– Hướng đổ dốc: thấp dần từ giữa các tiểu khu ra xung quanh và về phía sông rạch.

– Khu vực công viên và hành lang cây xanh ven sông – kênh – rạch: tăng cường khả năng thấm hút và điều hòa dòng chảy; gia cố đê kè đảm bảo chống sạt lở bờ.

b. Quy hoạch thoát nước mặt:

– Nước mưa và nước thải trong phạm vi khu đất được tổ chức thoát theo 2 hệ thống riêng biệt.

– Tăng cường hệ thống mặt nước trong khu quy hoạch, kết hợp tạo cảnh quan đô thị và điều tiết nước, chống ngập úng cho khu vực.

– Tổ chức thoát nước mặt theo địa hình thiết kế, có lợi nhất về mặt thủy lực.

10.2. Quy hoạch giao thông:

a. Quy hoạch hệ thống giao thông trong khu vực:

– Đường Bình Quới (lộ giới 30-54m), đường D2A (lộ giới 45m), đường D3 lộ giới (40m), một phần đường D2 (lộ giới 37,5-45m) kết nối khu vực quy hoạch với các phường lân cận.

– Các tuyến đường khu vực (lộ giới từ 24-45m) có chức năng gom lưu lượng giao thông từ các ô chức năng kết nối với các tuyến đường đối ngoại.

– Các tuyến đường nội bộ phân khu vực tiếp cận đến từng lô chức năng trong khu vực, hoàn thiện mạng lưới giao thông, tạo sự thuận lợi và thông suốt trên toàn mạng lưới (lộ giới 15m).

b. Quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng:

– Tuyến Tramway/LRT ven sông kết nối từ trung tâm thành phố đến dự án. Đoạn qua dự án được định hướng đi nổi;

– Tuyến MRT số 7 kết nối Tp.Thủ Đức (nay là các phường An Khánh, phường Thủ Đức) với dự án. Đoạn qua dự án được định hướng đi ngầm từ trung tâm Thành phố đến nhà ga ngầm gần nút giao đường chính khu vực và Đường N15 phía Nam, sau đó tiếp tục đi nổi (khi gần ra khỏi ranh quy hoạch) kết nối dự án với các phường Phước Long, Tăng Nhơn Phú phía Tây dự án.

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG								
Stt	Tên đường	Lộ giới	Mặt cắt Quy hoạch (m)			Chiều dài	Phân cấp	Ghi chú
		(m)	Lề trái	Lòng đường	Lề phải	(m)		
1	Đường Bình Quới	30	6	18	6	480	Đường chính đô thị	
		54	10	34	10	1.020	Đường chính đô thị	- Từ đường D2 đến đường D2 - Bố trí đường hầm đường bộ
		54	10	34	10	425	Đường chính đô thị	Từ đường D2 đến ranh quy hoạch
2	Đường D2	45	10	25	10	1.250	Đường chính khu vực	Từ đường Bình Quới đến đường D2A, N1
		45	10	25	10	1.760	Đường liên khu vực	Từ đường D2A, N1 đến đường N19
		45	10	25	10	1.785	Đường chính khu vực	Từ đường N19 đến đường Bình Quới
		37,5	5	27,5	5	355	Đường liên khu vực	Từ đường N19 đến ranh quy hoạch
	Đường D2A	45	10	25	10	600	Đường liên khu vực	Từ đường D2 đến ranh quy hoạch
3	Đường D3	40	8	24	8	565	Đường chính đô thị	Từ ranh quy hoạch đến đường D2
4	Đường D4	26	5	16	5	935	Đường khu vực	Từ đường D2 đến đường D2
5	Đường D5	26	5	16	5	3.080	Đường khu vực	Từ đường D2 đến đường D2
6	Đường D6	26	5	16	5	2.100	Đường khu vực	Từ đường D2 đến

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG								
Stt	Tên đường	Lộ giới	Mặt cắt Quy hoạch (m)			Chiều dài	Phân cấp	Ghi chú
								đường D2
7	Đường N1	15	4	7	4	290	Đường phân khu vực	Từ đường D2 đến đường D4
8	Đường N2	15	4	7	4	290	Đường phân khu vực	Từ đường D2 đến đường D4
9	Đường N3	15	4	7	4	350	Đường phân khu vực	Từ đường N2 đến đường D4
10	Đường N4	30	5	20	5	275	Đường khu vực	Từ đường D2 đến đường D4
11	Đường N5	15	4	7	4	1.270	Đường phân khu vực	Từ đường D2 đến đường D6
12	Đường N6	15	4	7	4	250	Đường phân khu vực	Từ đường D6 đến đường N7
13	Đường N7	15	4	7	4	280	Đường phân khu vực	Từ đường D6 đến đường D2A
14	Đường N8	15	4	7	4	320	Đường phân khu vực	Từ đường D2A đến đường D6
15	Đường N9	15	4	7	4	400	Đường phân khu vực	Từ đường D2 đến đường D6
16	Đường N10	15	4	7	4	115	Đường phân khu vực	Từ đường N12 đến đường D2
17	Đường N11	24	5	14	5	575	Đường khu vực	Từ đường D2 đến khu dịch vụ
18	Đường N12A	15	4	7	4	75	Đường phân khu vực	Từ đường N12 đến đường D6
19	Đường N12	15	4	7	4	130	Đường phân khu vực	Từ đường N11 đến đường N12A
20	Đường N14	15	4	7	4	650	Đường phân khu vực	Từ đường N16 đến đường D5
21	Đường N15	15	4	7	4	825	Đường phân khu vực	Từ đường D5 đến đường D5
22	Đường N16	15	4	7	4	770	Đường phân khu vực	Từ đường D5 đến đường D5
23	Đường N17	15	4	7	4	880	Đường phân khu vực	Từ đường D5 đến đường D5
24	Đường N18	15	4	7	4	475	Đường phân khu vực	Từ đường N14 đến đường N19
25	Đường N19	15	4	7	4	265	Đường phân khu vực	Từ đường D2 đến đường D5

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 180 l/người/ ngày đêm.
- Nhu cầu dự kiến: 22.740,3 m³/ngày đêm.
- Định hướng quy hoạch hạ tầng cấp nước:
- + Nguồn cấp nước cho khu quy hoạch được lấy từ nhà máy nước Thủ Đức

theo 3 hướng: Hướng 1 theo tuyến ống cấp nước D400 hiện hữu cải tạo dẫn về khu vực theo trục đường Bình Quới. Hướng 2 dự kiến xây mới tuyến ống cấp nước D450 dẫn về khu quy hoạch từ tuyến ống D1500 hướng từ cầu Rạch Chiếc về. Hướng 3 dự kiến xây mới tuyến ống cấp nước D450 dẫn về khu quy hoạch từ tuyến ống D2000 hướng từ cầu Rạch Chiếc về.

+ Áp lực nước yêu cầu tại vị trí đầu ranh khu quy hoạch của mỗi tuyến nguồn cấp là 2bar ~20m cột nước, trường hợp bất lợi trong tương lai khi nguồn cấp không đảm bảo áp lực yêu cầu đơn vị cung cấp nước sẽ có giải pháp tính toán như bổ sung trạm bơm tăng áp...

+ Dựa vào mạng lưới cấp nước, bố trí các trụ cứu hỏa tại ngã ba, ngã tư hoặc tại những nơi tập trung đông dân, khoảng cách giữa hai trụ 150 m.

+ Bố trí Trụ sở đơn vị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ với quy mô khoảng 0,09 ha tại Đơn vị ở 1 (ký hiệu I.CS.02), đảm bảo bán kính từ 3-5km.

10.4. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a. Thoát nước thải:

– Chỉ tiêu: lấy bằng 100% lưu lượng nước cấp.

– Nhu cầu dự kiến: 13.880,2m³/ngày đêm.

– Định hướng quy hoạch hạ tầng thoát nước: Xây dựng hệ thống cống thoát nước riêng. Nước thải từ các công trình được thải vào hệ thống thu gom của khu vực sau đó theo hệ thống đường cống, hố ga để dẫn về trạm xử lý nước thải khép kín với công suất dự kiến công suất riêng $Q = 14.000\text{m}^3/\text{ngày}$ được bố trí trong đất hạ tầng kỹ thuật. Nước thải sau xử lý đạt chuẩn sẽ được đầu nối ra nguồn tiếp nhận ngoài ranh.

b. Xử lý chất thải rắn:

– Chỉ tiêu: 1,3 kg/người/ngày đêm; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.

– Nhu cầu dự kiến: khoảng 70,2 tấn/ngày.

– Định hướng quy hoạch hạ tầng thoát nước:

+ Thu gom rác kết hợp thủ công và cơ giới. Hàng ngày vào một giờ nhất định (buổi tối) dùng xe đẩy tay và xe chuyên dụng có thiết bị nâng thủy lực để đưa rác lên xe ô tô tại điểm tập kết rác. Sau khi chuyển CTR đi cần vệ sinh điểm tập kết, trả lại không gian cảnh quan cho đô thị. Vị trí các điểm tập kết xác định theo phương án tổ chức thu gom CTR hàng năm được UBND thành phố phê duyệt.

+ Bố trí các trạm thu gom, xử lý chất thải rắn với quy mô từ 200-500m² tại các đơn vị ở.

10.5. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng:

– Chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt: 800W/người, 2400kWh/người.năm

- + Chỉ tiêu cấp điện cho dịch vụ công cộng: Lấy bằng 50% điện sinh hoạt.
- + Chỉ tiêu cấp điện cho việc bố trí hạ tầng giao thông xanh: Lấy bằng 30-50% điện cho dịch vụ công cộng.
- + Điện tổn thất dự phòng lấy bằng 15% tổng các nhu cầu dùng điện.
- Nhu cầu dự kiến: khoảng 86.940 kW/người.năm.
- Định hướng quy hoạch hạ tầng cấp năng lượng và chiếu sáng:
 - + Nguồn điện sẽ được tiếp tục cấp từ trạm biến áp 110/15-22kV Thanh Đa hiện hữu cải tạo nâng cấp và xây dựng mới trạm biến áp Bình Quới 110/22kV, 2x63MVA. Giai đoạn dài hạn, đề xuất nâng công suất trạm biến áp Bình Quới lên 3x63MVA để đảm bảo nguồn điện được ổn định.
 - + Lưới điện 110kV: đấu nối vào trạm biến áp 110kV Bình Quới được xây dựng ngầm, dự kiến kết hợp đi chung với cầu đi bộ.
 - + Định hướng ngầm hóa toàn bộ hệ thống điện trung hạ thế. Tiến hành dỡ bỏ các tuyến điện 22kV đi nổi hiện hữu, ngầm hóa để cấp điện cho các phụ tải trong khu vực nâng cao mỹ quan đô thị.
 - + Hệ thống chiếu sáng hiện hữu: Hệ thống chiếu sáng trên các đường hiệu hữu không được cải tạo quy hoạch sẽ được giữ nguyên; Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng trên các đường quy hoạch mới. Sử dụng đèn LED công suất tiết kiệm năng lượng chiếu sáng cho khu quy hoạch, đèn được lắp trên trụ thép tráng kẽm.
 - + Hệ thống trạm sạc xe điện công cộng dự kiến bố trí đảm bảo mỗi trạm phục vụ trong bán kính dưới 800m. Dự kiến bố trí ngầm tại các tầng hầm nhà ở cao tầng, trung tâm thương mại,...

10.6. Quy hoạch cấp viễn thông:

- Chỉ tiêu: 25-30 thuê bao/100 dân.
- Dự kiến dung lượng điện thoại cố định lắp đặt cho khu quy hoạch là: 13.050 – 16.200 thuê bao.
- Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông:
 - + Xây dựng hệ thống công bề thông tin chờ, kết nối với hệ thống công bề thông tin của khu vực, nhằm mục đích phục vụ cho các tuyến cáp thông tin, viễn thông, truyền hình cáp.
 - + Mạng lưới Viễn thông được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu cho khu vực.

11. Giải pháp bảo vệ môi trường:

11.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí:

- Phân tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo để các phương tiện cơ giới lưu thông theo đúng tuyến nhằm giảm tiếng ồn, giảm thời gian lưu thông trên đường và giảm lượng khí thải từ các phương tiện lưu thông.
- Tưới nước giảm bụi và giảm nhiệt cho mặt đường nhất là buổi trưa nắng nóng.

- Diêm tập trung rác thải cần được láng nền ximăng hoặc gạch; có hàng cây xanh cách ly xung quanh, thường xuyên được phun hóa chất khử mùi. Cần được thiết kế để thu gom nước rỉ rác, tránh chảy tràn ra xung quanh.

- Trồng cây xanh ven đường, trong khu vực công trình công cộng - dịch vụ và khu nhà ở góp phần giảm khí thải CO₂, điều hòa vi khí hậu và trong lành không khí.

11.2. Giảm thiểu ô nhiễm nước:

- Kiểm soát việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.
- Kiểm soát việc thu gom chất thải rắn tại các công trình để tránh tình trạng xả rác xuống hồ, biển. Định kỳ vệ sinh quét dọn thu gom rác thải trên mặt đường để hạn chế nước mưa nhiễm bẩn trôi vào cống thoát nước mưa.
- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng (cống ngầm).
- Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng, thương mại, khu ở phải đưa qua xử lý tại các hầm tự hoại của công trình để xử lý sơ bộ mới được đổ vào hệ thống thu gom nước thải của khu vực, sau đó nước thải được đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải từ các khu chức năng y tế, công nghiệp phải được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải hoặc ra nguồn tiếp nhận.

11.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn:

- Các hộ gia đình sẽ phân loại rác thải tại gia đình đựng vào bao bì riêng thành 3 loại: rác thải hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa, rau quả,...); rác thải có thể tái chế (giấy, vỏ lon, hộp nhựa,...); rác thải nguy hại (pin, đồ điện tử, bóng đèn,...).
- Các khu vực dịch vụ công cộng đều được bố trí các thùng rác có nắp đậy dùng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh.
- Chất thải y tế được phân loại tại nguồn và được quản lý, thu gom, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế về Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom khi bùn đạt 80% thể tích bể.

12. Những hạng mục ưu tiên đầu tư

12.1. Định hướng phát triển các dự án

– Tạo sự kết nối giữa các đô thị thông qua các dự án giao thông: Xây dựng, nâng cấp mở rộng tuyến đường kết nối trong khu vực và các hướng tuyến giao thông phụ trợ, kết nối đi các khu vực lân cận.

– Đẩy mạnh phát triển kinh tế: định hình các chức năng thương mại dịch vụ; dịch vụ du lịch là động lực quan trọng để phát triển kinh tế của đô thị.

– Xây dựng mới các khu vực công viên cảnh quan, thể dục thể thao và các khu thương mại dịch vụ, cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, nâng cao chất lượng – hình ảnh đô thị.

– Phát triển dựa trên các điều kiện cơ sở hạ tầng có sẵn, từng bước hình thành đô thị theo khung tổng thể đã định hướng, đồng bộ hệ thống hạ tầng cơ sở đảm bảo cho sự phát triển của đô thị.

– Ưu tiên các dự án môi trường, kiểm soát sự ô nhiễm.

12.2. Các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng hoàn thiện hệ thống các trục đường chính trong khu vực là các tuyến đường chính kết nối các phân khu và kết nối với các trục đường đối ngoại.

12.3. Các dự án phát triển hạ tầng xã hội

– Đầu tư nâng cấp, cải tạo kiến trúc cảnh quan và nâng cao chất lượng các công trình văn hóa, công cộng, giáo dục.

– Xây dựng các khu thương mại dịch vụ nằm trên các trục đường lớn.

12.4. Các dự án phát triển du lịch cho khu vực

– Đầu tư khai thác công viên cảnh quan dọc sông rạch. Hình thành không gian cảnh quan ven mặt nước phục vụ cho cộng đồng dân cư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

– Kêu gọi đầu tư công trình thương mại dịch vụ, công cộng ở các trục đường lớn để tạo không gian kết nối cộng đồng và công trình điểm nhấn. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình phục vụ cho giáo dục, các không gian mở, công viên cây xanh,... nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

13. Các nội dung khác có liên quan

– Khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu này cần bảo đảm thực hiện đúng theo các quy định pháp luật về quản lý đất đai, đầu tư, tài chính, xây dựng,...

– Công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt cần thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật quy hoạch đô thị và nông thôn.

– Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh quy hoạch phân khu nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 nêu trên.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

– Ủy ban nhân dân phường Bình Quới, đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm chính về tính chính xác các số liệu đánh giá hiện trạng thể hiện trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới).

– Thực hiện theo quy định về công tác cắm mốc giới quy hoạch được duyệt.

– Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân phường Bình Quới có trách nhiệm công bố công khai nội dung Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới) theo quy định.

– Sau khi Quyết định này được phê duyệt, Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường Bình Quới phải hoàn chỉnh hồ sơ, bản vẽ theo nội dung đã được phê duyệt, chuyển Sở Xây dựng để đóng dấu, xác nhận theo quy định; và ban hành Quy định quản lý theo điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới – Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh (nay là phường Bình Quới) phù hợp với quy hoạch được duyệt và quy định rõ nguyên tắc để tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở – Ban – Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Quới, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, PCT/ĐT;
- VPUB: CVP, PCVP/ĐT;
- Phòng: TH, ĐT, DA;
- Lưu: VT, (ĐT-MTu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường